

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN D
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HS-ST
Ngày 18-10-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN D - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Văn Thắng
- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Đức Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng.
- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Kim Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng xét xử theo thủ tục rút gọn sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Minh V, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1972 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số 13/297 Đông Khê, phường Đông Khê, quận Q, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị C, có chồng là Bùi Quang T (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1999. Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 21 tháng 7 năm 2022, Công an quận Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- **Bị hại:** Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1970; nơi cư trú: H 2, phường Đ, quận D, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Đỗ Văn L, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ ngày 02-5-2022, Nguyễn Thị Minh V điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 16K1-2350 vào cửa hàng tạp hóa của chị Đỗ Thị T, ở số 7 đường H, phường Đ, quận D để mua nước uống. Khi vào cửa hàng, V thấy trong tủ kính

có 01 hộp nhựa đựng nhiều thẻ điện thoại nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt hộp thẻ điện thoại. Lợi dụng lúc chị T đi lấy nước không có người trông coi cửa hàng, V đi đến tủ kính lấy 01 hộp nhựa để trước ngực rồi lấy gói bím bím gần đó che lại, sau đó cầm ra chỗ giả để sữa ở phía ngoài đặt hộp thẻ lên giá, mục đích lúc về sẽ lấy mang đi. Sau đó, V quay lại thanh toán tiền nước thì bị chị T giữ lại báo Công an phường Đ đến kiểm tra lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng gồm 01 hộp nhựa đựng 88 thẻ điện thoại gồm: 16 thẻ Mobifone mệnh giá 50.000 đồng; 10 thẻ Mobifone mệnh giá 100.000 đồng; 13 thẻ Vinafone mệnh giá 50.000 đồng; 12 thẻ Vinafone mệnh giá 100.000 đồng; 16 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 21 thẻ Viettel mệnh giá 100.000 đồng. Tổng trị giá các thẻ điện thoại là 6.550.000 đồng.

Kết luận giám định số 231/KL-KTHS của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng về video thu được tại hiện trường: Tập tin có phần mở rộng “DAV” tổng dung lượng 87.4 Mb không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung.

Vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đỗ Thị T 88 thẻ điện thoại có mệnh giá khác nhau; xe mô tô biển kiểm soát 16K1-2350, kết quả xác minh là xe của ông Đỗ Văn L, sinh năm 1966, trú tại: Tổ dân phố A, phường Đ, H, Hải Phòng (là người quen của V), ông L cho mượn nhưng không biết V sử dụng đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra đã trả xe cho ông L.

Trách nhiệm dân sự: Chị Đỗ Thị T đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị Minh V khai nhận hành vi như đã nêu trên. Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 01/QĐ-VKSDK ngày 29 tháng 9 năm 2022, Viện Kiểm sát nhân dân quận D đã truy tố Nguyễn Thị Minh V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như nội dung quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn, bị cáo tỏ ra ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất vụ án, mức độ, tính nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Minh V với mức án tù từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị không khấu trừ thu nhập, không áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không phải xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận D, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận D, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[1.2] Vụ án đủ điều kiện áp dụng thủ tục rút gọn, Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện Kiểm sát đã áp dụng thủ tục rút gọn trong quá trình điều tra, truy tố; Tòa án tiếp tục áp dụng và xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn theo quy định tại các điều 457, 463 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, với vật chứng cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ ngày 02 tháng 5 năm 2022, bị cáo Nguyễn Thị Minh V đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 88 thẻ điện thoại của Đỗ Thị T trị giá 6.550.000 đồng (gồm 88 thẻ điện thoại gồm: 16 thẻ Mobifone mệnh giá 50.000 đồng; 10 thẻ Mobifone mệnh giá 100.000 đồng; 13 thẻ Vinafone mệnh giá 50.000 đồng; 12 thẻ Vinafone mệnh giá 100.000 đồng; 16 thẻ Viettel mệnh giá 50.000 đồng; 21 thẻ Viettel mệnh giá 100.000 đồng) thì bị phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận D truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự được áp dụng đối với bị cáo.

[5] Về tính chất vụ án và hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

[5.1] Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an nên cần xét xử nghiêm để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng căn cứ mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xem xét áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo.

[5.2] Hội đồng xét xử thấy, mặc dù bị cáo có 01 tiền sự bị Công an quận Q xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, tuy nhiên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại. Vì vậy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà có thể áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định tại Điều 36 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung, đồng thời còn thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[5.3] Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập đối với bị cáo: Hội đồng xét xử xét thấy, điều kiện kinh tế của bị cáo khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đã được cơ quan điều tra xử lý theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Thị Minh V 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho UBND phường Đông Khê, quận Q, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Đông Khê, quận Q, thành phố Hải Phòng trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Luật Thi hành án hình sự. Trong trường hợp người được cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự, cụ thể như sau:

Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị

tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Người được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào các điều 331 và điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận D;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Công an quận D;
- Cơ quan THAHS quận D;
- PV06 và PC10 CATP Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận D;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thắng